**MÔN : TIẾNG VIỆT LỚP 1**

**Bài 13. i ,ia . Tiết 33,34**

**Thời gian thực hiện : Thứ ngày tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU** CẦN ĐẠT

-Nhận biết các âm và chữ **i, ia;** đánh vần, đọc đúng tiếng có **i, ia** với mô hình “âm đầu + âm chính”, “âm đầu + âm chính + thanh”: **bi, bia.**

-Nhìn tranh ảnh minh hoạ, phát âm và tự phát hiện tiếng có âm **i,** âm **ia.**

-Đọc đúng bài Tập đọc *Bé Bi, bé Li.*

-Biết viết các chữ **i, ia;** các tiếng **bi, bia,** các chữ số **4, 5** (trên bảng con).

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1.GV:** Tranh anh trong SGK

**2.HS:** *Vở bài tập Tiếng Việt 1,* tập một.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **2’**  15’ | **1. Hoạt động mở đầu:** Ổn định  **2. Hoạt động khám phá kiến thức mới** | Hs thực hiện |
|  |  |  |
| 45’  3’ | **Hoạt động 1.**Giới thiệu bài**:**  - GV giới thiệu bài học về âm và chữ **i, ia. -** GV chỉ từng chữ cho HS (cá nhân, cả lớp) nhắc lại.  - GV giới thiệu chữ I in hoa.**.**  **Hoạt động 2: Chia sẻ và khám phá (BT 1: Làm quen)**  1. Âm **i** và chữ **i .**  - GV chỉ hình các viên bi, hỏi: Đây là gì? (Các viên bi).  - GV viết **b,** viết **i.**  - Phân tích tiếng **bi.**  2. Âm **ia** và chữ **ia**  -GV chỉ hình bia đá: Đây là các tấm bia ghi tên các tiến sĩ thời xưa.  - GV viết **b,** viết **ia.**  - Phân tích tiếng **bia** gồm có âm **b** đứng trước, âm **ia** đứng sau.    **3.Hoạt động Luyện tập- Thực hành**  **Hoạt động 1.Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có âm i? Tiếng nào có âm **ia?)**  -GV chỉ hình  **Hoạt động 2. Tập đọc** (BT 3)  a.GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc kể về anh em bé Bi, bé Li (Li là em gái Bi).  b.GV đọc mẫu từng lời dưới tranh, giới thiệu tình huống  Tranh 1: *Bé Li bi bô: - Bi, Bi.* (Li đang đi chập chững, giơ hai tay gọi anh. Giải nghĩa từ *bi bô:* nói chưa sõi, lặp đi lặp lại một số âm).  Tranh 2: *Bé ạ đi.* (Bi nói bé hãy —ạ” anh đi).  Tranh 3: Nghe anh nói vậy, bé Li ngoan ngoãn —ạ” lia lịa nên bị ho. (Thấy bé ho, vẻ mặt Bi lo lắng. Giải nghĩa từ *lia lịa:* liên tục, liên tiếp, rất nhanh).  Tranh 4: *Bi dỗ bé.* (Bi thương em, ôm em vào lòng, dỗ em).  Luyện đọc từ ngữ:   * Luyện đọc từng lời dưới tranh   -GV: Bài có 4 tranh và lời dưới 4 tranh.  -(Đọc vỡ từng câu) GV chỉ từng chữ trong tên bài cho cả lớp đọc thầm, sau đó 1 HS đọc, cả lớp đọc. Làm tương tự với từng lời dưới tranh.  -GV sửa lỗi phát âm cho HS, nhắc HS nghỉ hơi sau dấu chấm, dấu hai chấm dài hơn sau dấu phẩy.   * Thi đọc đoạn, bài (theo cặp / tổ) * Tìm hiểu bài đọc (lướt nhanh)   GV: Qua bài đọc, em hiểu điều gì? (Bé Li rất yêu anh Bi. Bi rất yêu em bé. / Anh em Bi rất thân nhau, yêu quý nhau).  \* Cả lớp đọc lại nội dung bài 13; đọc cả 7 chữ học trong tuần (cuối trang 28).  **Hoạt động3.**. Tập viết(bảng con - BT 4)   1. Cả lớp đọc trên bảng các chữ, tiếng, chữ số: **i, ia, bi, bia; 4, 5.** 2. Tập viết các chữ, tiếng: **i, ia, bi, bia**  * GV vừa viết từng chữ mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn:   + Chữ i: cao 2 li, gồm một nét hất, 1 nét móc ngược; dấu chấm (.) đặt trên đầu nét móc.  + Chữ **ia:** viết chữ **i** trước, chữ **a** sau, chú ý nét nối giữa **i** và **a.**  + Tiếng **bi:** viết chữ **b** (cao 5 li), chữ **i,** chú ý nét nối giữa **b** và **i.**  + Tiếng **bia:** viết chữ **b,** viết tiếp **ia.**  c) Tập viết các chữ số: **4, 5**   * GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn:   + Số **4:** cao 4 li; có 3 nét: nét 1 thẳng xiên, nét 2 thẳng ngang, nét 3 thẳng đứng. + Số **5:** cao 4 li; có 3 nét: nét 1 thẳng ngang, nét 2 thẳng đứng, nét 3 cong phải.  **4.HĐ Củng cố và nối tiếp**  -GV cho HS đọc lại tòan bài  - Các em vừa học hai chữ mới là chữ gì?  - Các em vừa học tiếng mới là tiếng gì? | -Cả lớp chú ý lắng nghe  -HS trả lời: các viên bi  **-HS** nhìn mô hình: **bờ - i - bi / bi.**  - HS nhìn mô hình, đánh vần và đọc trơn: **bờ - ia - bia / bia.**  \* HS nói lại chữ, tiếng vừa học: **i, ia; bi, bi**  -1 HS nói, sau đó cả lớp nói: *bí, ví, chỉ, mía, đĩa, khỉ.* / HS làm bài trong VBT, báo cáo: Tiếng có âm **ỉ:** *bí, ví, chỉ, khỉ.* Tiếng có âm **ia:** *mía, đĩa.* / GV chỉ hình, HS nói kết quả: Tiếng **bí** có âm **i...** Tiếng **mía** có âm **ia...**  -HS nói 3 - 4 tiếng ngoài bài có âm **i** (chị, phi, thi, nghỉ,...); có âm **ia** (chia, kia, phía, tỉa,...).  Hs lắng nghe  HS đánh vần, đọc trơn các từ ngữ (được tô màu hoặc gạch chân): **bi bô, lia lịa, bị ho, dỗ bé.**  HS thực hiện Từng HS, sau đó từng cặp tiếp nối nhau đọc lời dưới 4 tranh .  - HS đọc cả bài.  -HS trả lời  -HS thực hiện  -Cả lớp đọc  -Hs chú ý theo dõi  - HS viết bảng con: **i, ia** (2 lần). Sau đó viết: **bi, bia** (2 lần).    -HS đọc.  -HS Chữ ia và tiếng bia |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC. *(Nếu có* )**

**……………………………………………………………………………………………….**